

Báo cáo Tài chính

CÔNG TY TNHH MÔI GIỚI BẢO HIỂM WELLBE VIỆT NAM

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02
Báo cáo Kiểm toán độc lập	03
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	04
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	05
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	06
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	07-14

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm WellBe Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm WellBe Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/11/2021 và các lần sửa đổi.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tầng 5, Tòa nhà Sun Red River, số 23 Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Masahiro Kambayashi

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

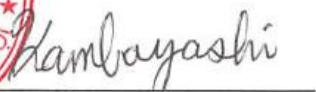
CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Masahiro Kambayashi
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Số: 210324.007/BCTC.FIS1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm WellBe Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm WellBe Việt Nam được lập ngày 21 tháng 03 năm 2024, từ trang 04 đến trang 14 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm WellBe Việt Nam tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH
Hàng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Đinh Quang Trung
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3681-2022-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



IS AN ASSURANCE MEMBER OF
THE GLOBAL ASSURANCE AND ACCOUNTING NETWORK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.970.805.114	4.801.667.565
110	I. Tiền và tương đương tiền		7.915.612.515	4.738.603.809
111	1. Tiền	3	7.915.612.515	4.738.603.809
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.662.489	17.550.000
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		6.207.189	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.455.300	17.550.000
140	IV. Hàng tồn kho		-	6.672.495
141	1. Hàng tồn kho		-	6.672.495
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		47.530.110	38.841.261
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	4	47.530.110	38.841.261
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		476.511.975	741.566.945
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30.000.000	30.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		30.000.000	30.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		446.511.975	711.566.945
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	4	446.511.975	711.566.945
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.447.317.089	5.543.234.510
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		642.356.317	234.438.448
310	I. Nợ ngắn hạn		642.356.317	234.438.448
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		112.394.290	8.813.110
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5	505.411.027	209.086.702
314	3. Phải trả người lao động		23.228.000	16.538.636
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.323.000	-
400	D. NGUỒN VỐN		7.804.960.772	5.308.796.062
410	I. Vốn chủ sở hữu	6	7.804.960.772	5.308.796.062
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000	4.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.571.212.733	1.243.356.259
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		373.356.259	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.197.856.474	1.243.356.259
423	3. Quỹ dự trữ bắt buộc		233.748.039	65.439.803
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.447.317.089	5.543.234.510

Masahiro Kambayashi
Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc

Phạm Thị Lan
Kế toán trưởng

Phạm Thị Lan Anh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ		8.927.857.091	4.338.006.855
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		80.614.166	24.534.306
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	8	8.847.242.925	4.313.472.549
11	4. Giá vốn cung cấp dịch vụ	9	2.174.760.477	968.415.533
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		6.672.482.448	3.345.057.016
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		34.436.955	778.418
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10	2.499.213.819	1.707.174.059
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.207.705.584	1.638.661.375
31	11. Thu nhập khác		34.109	21.191
32	12. Chi phí khác		33.804	336.339
40	13. Lợi nhuận khác		305	(315.148)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.207.705.889	1.638.346.227
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	11	841.541.179	329.550.165
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>3.366.164.710</u>	<u>1.308.796.062</u>


Masahiro Kambayashi
Masahiro Kambayashi
Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc

Phạm Thị Lan
Phạm Thị Lan
Kế toán trưởng

Phạm Thị Lan Anh
Phạm Thị Lan Anh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.207.705.889	1.638.346.227
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(34.436.955)	(778.418)
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.173.268.934	1.637.567.809
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		9.887.511	(47.550.000)
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		6.672.495	(6.672.495)
11	Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		235.893.422	86.916.069
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		256.366.121	(750.408.206)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(669.516.732)	(182.027.786)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.012.571.751	737.825.391
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.436.955	778.418
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		34.436.955	778.418
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	4.000.000.000
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(870.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(870.000.000)	4.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.177.008.706	4.738.603.809
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.738.603.809	-
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		7.915.612.515	4.738.603.809


Masahiro Kambayashi

Masahiro Kambayashi
Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc

Phạm Thị Lan

Phạm Thị Lan
Kế toán trưởng

Phạm Thị Lan Anh

Phạm Thị Lan Anh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm WellBe Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/11/2021 và các lần sửa đổi. Mã số đăng ký thuế của Công ty là 0109923648.

Công ty được cấp phép hoạt động trong thời hạn 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tầng 5, Tòa nhà Sun Red River, số 23 Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 4.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 12 người (tại ngày 31/12/2022: 10 người).

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Môi giới bảo hiểm.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 18/11/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2022 ("Năm 2022").

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.7 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Phí bảo hiểm được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 10 đến 12 tháng.
- ▶ Phần mềm ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng là 36 tháng.
- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 10 đến 36 tháng.
- ▶ Phí tư vấn thành lập doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.

2.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tạm tính giá vốn bất động sản...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định của cấp có thẩm quyền.

Việc trích lập và sử dụng quỹ dự trữ bắt buộc thực hiện theo quy định của chế độ tài chính đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Theo Luật kinh doanh bảo hiểm sửa đổi 2010, quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 5%.

2.11 Doanh thu

Doanh thu hoa hồng môi giới bảo hiểm được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm các khoản Hoàn phí bảo hiểm.

2.13 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, chủ yếu là lương nhân viên kinh doanh và bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành (20%).

2.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	38.468.057	22.169.591
Tiền gửi ngân hàng	7.877.144.458	4.716.434.218
	7.915.612.515	4.738.603.809

4. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Bảo hiểm	47.530.110	38.841.261
	47.530.110	38.841.261
Dài hạn		
Phần mềm	31.250.165	51.191.755
Công cụ, dụng cụ	117.249.265	153.549.743
Phí tư vấn thành lập doanh nghiệp	295.458.779	506.825.447
Khác	2.553.766	-
	446.511.975	711.566.945

5. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2023	Năm 2023		31/12/2023
	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	33.615.848	218.050.635	344.118.585	159.683.798
Thuế thu nhập doanh nghiệp	147.522.379	669.516.732	841.541.179	319.546.826
Thuế thu nhập cá nhân	27.948.475	108.629.786	106.861.714	26.180.403
Các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
	209.086.702	998.197.153	1.294.521.478	505.411.027

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

6. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 18/11/2021	-	-	-	-
Lợi nhuận năm trước	-	1.308.796.062	-	1.308.796.062
Tăng vốn	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	(65.439.803)	65.439.803	-
Tại ngày 31/12/2022	4.000.000.000	1.243.356.259	65.439.803	5.308.796.062
Lợi nhuận năm nay		3.366.164.710		3.366.164.710
Trích quỹ dự trữ bắt buộc		(168.308.236)	168.308.236	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	(870.000.000)	-	(870.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	4.000.000.000	3.571.212.733	233.748.039	7.804.960.772

(*) Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 24/11/2023.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động, vốn điều lệ đã được WellBe International Insurance Brokers Limited ("Nhà đầu tư") góp đủ.

7. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng với diện tích 30 mét vuông tại Tầng 5, Tòa nhà Sun Red River, số 23 Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội theo hợp đồng thuê ngày 28/03/2022 và hợp đồng gia hạn ngày 08/09/2023 với Công ty TNHH Mặt trời Sông Hồng. Thời hạn thuê từ ngày 08/11/2023 đến 07/11/2026.

8. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu	8.927.857.091	4.338.006.855
Hoa hồng môi giới bảo hiểm	8.927.857.091	4.338.006.855
Các khoản giảm trừ doanh thu	80.614.166	24.534.306
Hoàn hoa hồng môi giới bảo hiểm	80.614.166	24.534.306
	8.847.242.925	4.313.472.549

9. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lương nhân viên kinh doanh	2.128.389.509	929.732.740
Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp	46.370.968	29.182.793
Khác	-	9.500.000
	2.174.760.477	968.415.533

10. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	994.341.169	819.914.033
Chi phí vật liệu quản lý	232.419.016	133.162.745
Chi phí dụng cụ quản lý	91.771.856	72.608.308
Thuế phí và lệ phí	2.000.000	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	800.584.649	412.060.203
Trong đó:		
- Chi phí thuê văn phòng	242.000.000	180.000.000
- Chi phí thuê xe	372.133.788	-
- Khác	186.450.861	232.060.203
Chi phí bằng tiền khác	378.097.129	267.428.770
	2.499.213.819	1.707.174.059

11. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	4.207.705.889	1.638.346.227
Điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ khi tính thuế	-	9.404.600
Thu nhập chịu thuế	4.207.705.889	1.647.750.827
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	841.541.179	329.550.165

12. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

13. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

WellBe International Insurance Brokers Limited
Công ty TNHH WellBe Việt Nam

Nhà đầu tư
Công ty cùng nhà đầu tư

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi hộ	28.500.000	1.036.005.094
Công ty TNHH WellBe Việt Nam	28.500.000	1.036.005.094
Phân phối lợi nhuận	870.000.000	-
WellBe International Insurance Brokers Limited	870.000.000	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

14. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

15. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 21 tháng 03 năm 2024.



Masahiro Kambayashi

Masahiro Kambayashi
Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc

Phạm Thị Lan

Phạm Thị Lan
Kế toán trưởng

Phạm Thị Lan Anh

Phạm Thị Lan Anh
Người lập biểu



Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024